

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN THÀNH ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

GS.TS. Nguyễn Văn Nam

Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân

Th.s Nguyễn Đức Hiễn

Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Đại học Kinh tế Quốc dân

Giáo dục đại học Việt Nam đang trong xu thế chuyển dần từ hệ thống giáo dục đại học dành cho giới tinh anh sang đại chúng với sự hình thành nhiều trường đại học và số lượng sinh viên ngày càng gia tăng, các trường đại học thuộc топ trên như Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cần phải xác định chiến lược phát triển riêng.

Tại Đại hội Đảng bộ lần thứ 26 (nhiệm kỳ 2010-2015), Trường Đại học KTQD đã xác định tầm nhìn đến năm 2020 “trở thành đại học định hướng nghiên cứu, có chất lượng cao về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Một số ngành, chuyên ngành đào tạo của trường được kiểm định và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học có uy tín trên thế giới” Đồng thời, Đại hội cũng xác định phương hướng chung nhiệm kỳ 2010-2015 của Đảng bộ là: tăng cường đoàn kết, thực hiện kỷ cương và đổi mới toàn diện các hoạt động của Nhà trường, kiên quyết nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trên cơ sở xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực, tâm huyết với nghề nghiệp; đổi mới căn bản mô hình tổ chức và hoạt động, cơ chế quản lý của Trường để tạo ra những khâu đột phá có tác động dẫn dắt và lan tỏa ra các hoạt động khác trong Nhà trường và nâng cao đời sống của cán bộ, giảng viên và công nhân viên trong trường.

Tuy vậy, nhiều người vẫn chưa hiểu rõ nội hàm của khái niệm đại học nghiên cứu cũng như các điều kiện và giải pháp cần phải thực hiện để chuyển mô hình đại học trọng về đào tạo (teaching university) như của Trường Đại học KTQD hiện nay sang mô hình đại học nghiên cứu (research university). Bài viết này mong muốn làm rõ một số nội dung liên quan đến mô hình đại học nghiên cứu và đề xuất các kiến nghị và giải pháp theo quan điểm riêng của các tác giả về đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế quản lý của Trường Đại học KTQD để hướng đến mục tiêu phát triển thành đại học nghiên cứu trong tương lai.

1 Những vấn đề chung về mô hình đại học nghiên cứu

Khái niệm “đại học nghiên cứu” hình thành từ khi nào?

Những trường đại học cổ xưa nhất được thành lập vào cuối thế kỷ 11 và đầu thế kỷ 12 như Đại học Bologna thành lập vào năm 1088, Đại học Paris thành lập vào năm 1119 từ một ngôi trường nhà thờ Notre-Dame và được công nhận chính thức trong thời gian giữa 1160-1170, Đại học Oxford vào giữa 1167 và 1185... Tuy nhiên, cho đến cuối thế kỷ 18, tư tưởng thống nhất giữa nghiên cứu và giảng dạy

trong trường đại học mới được nhà cải cách giáo dục đại học Wilhelm von Humboldt (1767-1835) đặt ra trong những nguyên lý của ông đối với Đại học Berlin (thành lập vào năm 1810). Theo Humboldt, người thầy trong trường đại học được xem là “nhà uyên bác giáo dục” (teacher-scholar) vừa có thẩm quyền và sự vượt trội trong nghiên cứu và cả chuyển giao tri thức, người thầy giảng tốt phải là người nghiên cứu giỏi, đó là phương châm và người nghiên cứu giỏi phải có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên đi vào nghiên cứu. Trường đại học phải là nơi kiến tạo ra tri thức mới thông qua các hoạt động nghiên cứu chứ không phải là nơi truyền tải tri thức

thông qua hoạt động giảng dạy đơn thuần.

Khái niệm “đại học nghiên cứu” (research university) có thể được khẳng định được hình thành từ quan điểm của Humboldt vào những năm 1810 khi ông đưa ra các quan điểm cho rằng đại học không còn là đại học kinh điển hay “bách khoa thư” mà trở thành đại học nghiên cứu đi khám phá và đi tìm chân lý thông qua các hoạt động nghiên cứu. *Đại học nghiên cứu được hiểu là một định chế giáo dục đặc biệt với sứ mệnh là nơi kiến tạo tri thức mới thông qua hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, mô hình tổ chức của đại học nghiên cứu có sự kết nối chặt chẽ giữa nghiên cứu và giảng dạy; trong đó hoạt động đào tạo tập trung vào hệ sau đại học (bậc Thạc sỹ và Tiến sỹ) và hệ đại học có chọn lọc với chất lượng cao (đào tạo đại học theo hướng tinh hoa).*

Tại các nước, tỷ lệ trường đại học nghiên cứu trong tổng số trường đại học và cao đẳng thường chiếm tỷ lệ nhỏ. Ví dụ như Mỹ hiện có hơn 4000 trường đại học và cao đẳng nhưng chỉ có khoảng 160 trường đại học nghiên cứu (chiếm khoảng 4%), Hà Lan có 14 trường đại học nghiên cứu được Chính phủ công nhận; hay tại Hàn Quốc có hơn 200 trường đại học nhưng đại học nghiên cứu chỉ chiếm khoảng 10%; tại Trung Quốc năm 2004 chỉ có 7/1702 trường đại học nghiên cứu loại I (Liu and Liu, 2005). Thậm chí ở những nước tương đối lớn như Anh cũng chỉ có khoảng 20 đại học nghiên cứu; con số này ở Brazil là khoảng 6 trường.

Các đặc điểm của đại học nghiên cứu là gì?

Qua khảo sát mô hình tổ chức và cơ chế quản lý của một số trường đại học nghiên cứu tiêu biểu như: Đại học Havard, Đại học Stanford, MIT (Mỹ), Đại học Oxford, Đại học Cambridge (Anh), Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa (Trung Quốc), Đại học Seoul (Hàn Quốc), Đại học Bremen (Đức), Đại học Tokyo (Nhật Bản), chúng ta có thể khái quát mô hình đại học nghiên cứu có các đặc điểm chính như sau:

Là đại học đa ngành thực hiện nhiều sứ mệnh nhưng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo sau đại học có xu hướng lấn át;

Có sự thống nhất giữa nghiên cứu và giảng dạy: trong trường đại học nghiên cứu học để nghiên cứu và nghiên cứu để học. Mỗi giảng viên, giáo sư phải là một học giả nghiên cứu độc lập và tự do;

- Có sự tự do đầy đủ về học thuật: đối với người thầy, phải đảm bảo sự tự do nghiên cứu và giảng dạy; đối với sinh viên phải đảm bảo tự do học. “Mục

đích của đại học không phải là học mà là sự đánh thức một cuộc đời mới trong thanh niên, một tinh thần khoa học đích thực”(Schleiermacher);

Có cơ chế quản trị đại học thuận lợi và cởi mở: trường đại học phải được thực hiện tự chủ cao gắn liền với cơ chế giải trình trách nhiệm rõ ràng và minh bạch; xác lập cơ chế chọn lọc và thăng tiến dựa trên tài năng; có sự liên kết chặt chẽ với các cơ quan, doanh nghiệp;

Có sự đầu tư thỏa đáng cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: số lượng các trung tâm, viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ lớn và được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; ngân sách đầu tư cho hoạt động nghiên cứu lớn từ ngân sách nhà nước;

Là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ: các đại học nghiên cứu thường được coi là các viện đại học xây dựng quốc gia nơi thực hiện các nghiên cứu phục vụ cho xây dựng và phát triển kinh tế, chính trị và xã hội ở các cấp độ khác nhau.

Hệ thống các tiêu chí của một trường đại học nghiên cứu như thế nào?

Qua phân tích các trường đại học nghiên cứu trên thế giới, có thể khái quát hệ thống các tiêu chí của một trường đại học nghiên cứu như sau:

Nhóm 1: Các tiêu chí về tiềm lực con người

Tỷ lệ người học/Giảng viên thấp (trung bình khoảng 10-15 Sinh viên/1 Giảng viên);

Tỷ lệ GS, PGS trong giảng viên cơ hữu của trường cao (trung bình khoảng trên 30%);

Tỷ lệ người học sau đại học trên tổng số người học cao (45-50%)¹

Nhóm 2: Có tiềm lực về đào tạo và NCKH

Quy mô lớn, đa ngành, đa lĩnh vực (trung bình khoảng 100 chương trình mỗi bậc đào tạo);

Tỷ lệ các đơn vị nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao so với các đơn vị quản lý và tổ chức đào tạo đại học và sau đại học trong cơ cấu tổ chức của Nhà trường (trung bình khoảng 50%)²;

Tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao:

+ Tự do về học thuật: là một thành tố không thể thiếu được của một trường đại học nghiên cứu theo lí tưởng của Humboldt. Trường đại học phải là nơi mà các giá trị cơ bản được trình bày, tranh luận, thách thức và nghiên cứu, một nơi tự do và không bị ràng buộc. Trường đại học nghiên cứu phải có một không gian học thuật, cho phép nhà khoa học theo đuổi những yêu cầu học thuật mà không bị can thiệp



hoặc bị kìm hãm từ những lực lượng nào khác;

+ Tự chủ về quản lý: các trường đại học nghiên cứu được trao quyền tự quyết định về các hoạt động;

+ Kinh phí dành cho NCKH lớn, được Nhà nước ưu tiên đầu tư và từ nhiều nguồn khác nhau.

Nhóm 3: Có hoạt động NCKH và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Thời gian dành cho NCKH nhiều (trung bình trên 50%);

- Số lượng công bố khoa học và công bố khoa học quốc tế lớn (trung bình khoảng 1 bài/3GV);

Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, nhất là bậc sau đại học;

Có quan hệ mật thiết với doanh nghiệp.

2. Quan điểm về phát triển Trường Đại học KTQD đến năm 2020 thành đại học định hướng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế

Hiện nay, có thể khẳng định Việt Nam chưa có một trường đại học nghiên cứu theo đúng nghĩa. Để có thể chuyển từ mô hình đại học trọng về đào tạo sang đại học nghiên cứu cần phải một quá trình lâu dài và sự đầu tư lớn. Tuy vậy, theo nghiên cứu của Anderson và Johnson, *yếu tố quyết định thành công trong việc xây dựng đại học nghiên cứu đạt đẳng cấp quốc tế không phải là nguồn lực đầu tư về tài chính mà cốt lõi phải là ở cơ chế quản trị*. Điều này có thể thấy qua việc đầu tư phát triển trường đại học nghiên cứu của Trung Quốc bắt đầu từ năm 1995 với 3 dự án lớn tầm quốc gia, đó là Dự án 211, 985 và Dự án 111 với tổng giá trị đầu tư khoảng 5,4 tỷ USD nhưng cho đến năm 2008, trong số top 21 trường hàng đầu của Châu Á, Trung Quốc chỉ có 2 trường đại học; trong khi đó, Hồng Kông có 4 trường, 10 trường của Nhật và 3 trường của Hàn Quốc. Một minh chứng nữa được thể hiện qua so sánh Đại học quốc gia Malaysia với Đại học quốc gia Singapore (NUS). Hai đại học này vốn là một trước khi Singapore tách ra khỏi Malaysia. Tuy nhiên, NUS với cơ chế quản trị vượt trội đã nhanh chóng trở thành top 100 trường đại học hàng đầu thế giới.

Vì vậy, quan điểm của nhóm tác giả cho rằng trong 10 năm tới, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phải chủ động *chuyển đổi mô hình tổ chức từ đại học đào tạo sang đại học định hướng nghiên cứu (research oriented university)* – một bước đệm cho phát triển thành đại học nghiên cứu giai đoạn sau năm 2020 trên cơ sở những lợi thế riêng biệt. Trong đó, những lợi thế riêng biệt của Trường đại học

KTQD phải kể đến là:

Thứ nhất: Trường Đại học KTQD là trường đại học đầu ngành trong khối các trường đại học kinh tế, quản lý và QTKD ở Việt Nam, hội tụ các điều kiện để tập trung phát triển mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế.

Thứ hai: Trường Đại học KTQD có đội ngũ giảng viên cơ hữu hùng hậu và có chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo ở trình độ cao cũng như thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên đông đảo, được đào tạo từ nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay, với tổng số giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ là 1.241 người, trong đó số người có học hàm giáo sư là 19 người, số người có học vị phó giáo sư là 100 người, chiếm 51,4% số giáo sư và 45,2% số phó giáo sư của tất cả các trường khối kinh tế. Về học vị, số cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 132 người, chiếm 22% tổng số tiến sĩ của khối các trường kinh tế.

Thứ ba: Trong nhiều năm qua, Trường Đại học KTQD luôn là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đứng đầu trong khối các trường đại học kinh tế ở Việt Nam. Giai đoạn 2006-2010, riêng với đề tài khoa học cấp nhà nước, với 19 đề tài đã thực hiện, Trường ĐH KTQD chiếm đến gần 100% số đề tài đã thực hiện trong khối các trường đại học kinh tế của cả nước. Tỷ lệ đề tài cấp bộ cũng chiếm trên 37%. Điều này tạo lợi thế riêng biệt cho trường khi phát triển các hoạt động nghiên cứu ra khu vực và quốc tế.

3. Giải pháp đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế quản lý hướng đến mục tiêu xây dựng Trường Đại học KTQD thành đại học định hướng nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế

Thứ nhất: Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án thí điểm thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại Trường Đại học KTQD từ năm 2012

Để trở thành đại học nghiên cứu, vấn đề cốt lõi là đổi mới về cơ chế quản trị đại học. Vì vậy, việc đầu tiên trong thời gian tới là Trường Đại học KTQD phải tổ chức xây dựng và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho trường trên các khía cạnh chủ yếu sau:

Tự chủ một số khâu trong tuyển sinh: xác định chỉ tiêu tuyển sinh, liên kết đào tạo đặc biệt liên kết đào tạo với nước ngoài; chủ động tuyển sinh theo nhu cầu của xã hội;

Tự chủ trong xây dựng chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo;

Tự chủ trong công tác tài chính và tài sản;

Tự chủ trong công tác tổ chức bộ máy;

Tự chủ về học thuật.

Giai đoạn 2011-2020 cần có lộ trình giảm dần số lượng sinh viên hệ đại học phi chính quy và chính quy đại trà, tập trung phát triển đào tạo sau đại học và đào tạo bậc đại học theo các chương trình tiên tiến, chất lượng cao và chương trình hợp tác với nước ngoài. Thực hiện đánh giá và kiểm định một số chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai: Hoàn thiện mô hình các Viện, Trung tâm nghiên cứu theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nghiên cứu xây dựng mô hình các Viện đào tạo trực thuộc trường

Để tạo sự chủ động cho các Viện, Trung tâm nghiên cứu trong khai thác, tìm kiếm các đề tài nghiên cứu, Trường sẽ thực hiện khắc dấu, cấp mã số thuế riêng và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc trường. Trường xây dựng cơ chế hỗ trợ các Viện, Trung tâm nghiên cứu thuộc trường và các Trung tâm thuộc Khoa. Thực hiện gắn kết hoạt động của các Viện, Trung tâm với hoạt động đào tạo của trường, từng bước thí điểm mô hình các Trung tâm, Viện nghiên cứu liên kết với các đơn vị bên ngoài và mô hình các Viện đào tạo (school) thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học, có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng trực thuộc trường.

Thứ ba: Xây dựng Trường Đại học KTQD thành trung tâm thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích sự kiến tạo các tri thức mới, thực hiện tự do học thuật rộng rãi

Xây dựng cơ chế thu hút nhân tài và khuyến khích tinh thần cống hiến. Ban hành các chính sách trọng dụng và sử dụng nhân tài, tạo động lực để khuyến khích cán bộ quản lý và giảng viên giỏi gắn bó với trường.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế thí điểm trả lương và thu nhập tăng thêm cho một số đơn vị đặc thù theo hướng gắn với hiệu quả công việc. Thu hút các giảng viên nước ngoài, các giáo sư Việt kiều về

1. Tỷ lệ sinh viên cao học và NCS Tiến sỹ trên tổng số sinh viên của Đại học Harvard năm 2206 là 59%; Stanford là 64%; MIT là 60% và Đại học Bắc Kinh là 53%.

2. Đại học nghiên cứu Seoul có tỷ lệ đơn vị đào tạo đại học/đơn vị quản lý đào tạo SDH/đơn vị NCKH và chuyển giao công nghệ là 16/5/60; Đại học nghiên cứu North Carolina có tỷ lệ là 10/1/50.

trường công tác;

Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Xây dựng cơ chế thăng tiến dựa trên tài năng.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nghiên cứu đầu ngành của trường thông qua các nhóm nghiên cứu chuyên sâu;

Thực hiện tự do học thuật rộng rãi trong toàn trường và ban hành các chính sách tạo động lực cho giảng viên tham gia NCKH.

Thứ tư: Tăng cường nguồn lực tài chính cho phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Trích lập 10% quỹ sự nghiệp cho phát triển hoạt động khoa học và đào tạo, bồi dưỡng giảng viên;

Thành lập Quỹ phát triển Đại học KTQD có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng để khai thác và tìm kiếm các nguồn tài trợ cho phát triển hoạt động NCKH và đào tạo của trường.

Đầu tư cho Tạp chí Kinh tế và Phát triển trở thành tạp chí khoa học có uy tín của khu vực.

Thứ năm: Tăng cường liên kết và nâng cao vai trò của Trường Đại học KTQD trong hệ thống các trường đại học đào tạo về kinh tế, quản lý và QTKD của Việt Nam cũng như của khu vực và thế giới

Thực hiện nâng cấp Mạng lưới các trường đại học đào tạo về kinh tế, quản lý và QTKD của Việt Nam (VNEUs) do Trường Đại học KTQD là Chủ tịch thành mô hình Hiệp hội;

Tăng cường sự tham gia của Trường Đại học KTQD với tư cách thành viên của các Hiệp hội trường đại học khu vực và thế giới.

Để thực hiện thành công việc chuyển đổi Trường Đại học KTQD sang mô hình đại học định hướng nghiên cứu cần sự cam kết và sự đồng tâm của lãnh đạo các thế hệ cũng như tập thể sư phạm Nhà trường. Quá trình này phải thực hiện theo lộ trình từng bước với các giải pháp kiên quyết và đồng bộ.

Với truyền thống 55 năm xây dựng, đổi mới, hội nhập và phát triển, Trường Đại học KTQD sẽ quyết tâm phấn đấu luôn giữ vững là trường đại học trọng điểm, đầu ngành của Việt Nam và đến năm 2020 về cơ bản hội tụ đầy đủ các điều kiện để có thể phát triển trở thành đại học nghiên cứu đạt đẳng cấp khu vực. □